

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2019/HS-PT
Ngày 02-10 -2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2019/TLPT-HS ngày 23 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Đoàn Quốc T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2019/HS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị cáo có kháng cáo: **Đoàn Quốc T**, sinh năm 1988 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số 358X, Ấp X, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: THên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn Th và bà Lê Thị L, tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 20/11/2018, đến ngày 23/11/2018 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Nhật Long H là Luật sư – Văn phòng luật sư HN thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre; có mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Dương Sóc K nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đoàn Quốc T kinh doanh nhớt và phụ tùng xe gắn máy, còn Dương Sóc Kh và Huỳnh Thị Huyền N là người làm thuê cho T.

Vào trưa ngày 07 tháng 5 năm 2018, Đoàn Quốc T lấy theo 01 cây kiếm, 01

cây ba khúc, 01 con dao rôi lái xe ô tô biển số xxC-xxx.xx chở Dương Sóc Kh, Huỳnh Thị Huyền N và em gái là Đoàn Thanh Tr xuống huyện B để thu nợ tại các tiệm sửa xe còn thiếu tiền mua hàng chưa trả, trong đó có tiệm của anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1973, địa chỉ ấp A, xã AN còn thiếu T số tiền 442.000 đồng. Khi T chạy xe lên xã TH, huyện B thu nợ trước, lúc chạy ngang qua nhà anh TH thì Đoàn Thanh Tr nhìn thấy chị Trần Thị Huỳnh A là vợ của anh TH có đeo sợi dây chuyền vàng nên Tr nói cho T biết chị A có đeo vàng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, khi chạy xe từ xã TH về gần đến nhà anh TH, T kêu K giật sợi dây chuyền của chị A nếu chị A không trả nợ rồi chạy ra xe cho T chở đi thì K đồng ý.

Sau khi kêu K giật dây chuyền, T dừng xe ô tô ngoài lộ bên kia đường đối diện nhà anh Nguyễn Anh T cho K xuống xe đi qua nhà anh TH thu nợ. Lúc này anh TH không có nhà nên K yêu cầu chị A trả nợ nhưng chị A trả lời không biết việc nợ nần của chồng và không đồng ý trả nên hai bên xảy ra cự cãi thì T cùng Tr xuống xe đi qua nhà chị A, còn Huỳnh Thị Huyền N thì ngồi trong xe. Thấy chị A không chịu trả tiền, K nói lấy chiếc máy bơm để trừ nợ nhưng chị A không đồng ý, K giật sợi dây điện định kéo máy bơm đi thì chị A ngăn cản nên K dùng tay đánh chị A. Thấy K hung hăng chị A lấy điện thoại di động định điện báo Công an đến giải quyết thì K giật lấy điện thoại di động đưa cho T, chị A cố giữ điện thoại thì bị K dùng tay đánh vào vai và dùng chân đạp chị A té ngã. T bỏ điện thoại vào túi rồi đi nhanh ra xe ô tô. Bị đạp té chị A đứng dậy chạy theo T, vừa chạy vừa la “Trả điện thoại cho tôi” nhiều lần, ra tới xe ô tô đậu thì đuổi kịp ôm T móc túi lấy lại điện thoại, nhưng bị T lấy hung khí đánh vào trán và đầu gây thương tích nên chị A không lấy được điện thoại, K cũng chạy theo chị A ra xe ô tô, dùng tay đánh chị A và đạp chị A té ngã vào xe để ngăn cản chị A lấy lại điện thoại đã giật đưa cho T. Bị đánh gây thương tích chị A kêu cứu thì anh Phạm Văn Th chạy đến giúp chị A thì T lấy cây ba khúc đưa cho K nhưng bị anh Th giật được cây ba khúc trên tay K quăng đi, K nhặt tiếp vỏ kiếm ở dưới đất trước cửa xe ô tô giơ lên định đánh vào đầu chị A thì anh Nguyễn Văn Đ chạy đến kịp thời giật lấy vỏ kiếm ném đi, rồi anh Đ kéo đỡ chị A đứng lên, T cầm thanh kiếm chém một nhát về phía chị A và anh Đ thì anh Đ đưa tay lên đỡ trúng tay gây thương tích rồi T và K lên xe ô tô chạy thoát. Trên đường về T tắt nguồn điện thoại của chị A để chị A không gọi được vào số điện thoại này. Qua ngày hôm sau T kêu anh Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm 1999, cư trú ấp A B, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre là người làm công cho T đem điện thoại đi mở khóa để sử dụng. Khoảng 10 ngày sau khi lấy điện thoại của chị A, T cầm điện thoại của chị A nói với K đem đi bán, nhưng K khuyên T không nên bán mà để sử dụng.

Vật chứng và tài sản thu giữ gồm:

- Thu tại hiện trường: 01 vỏ dao tự chế (vỏ của thanh kiếm) bằng gỗ màu đen có hoa văn hình đuôi rồng dài 75,5 cm, đường kính 04cm x 2,2cm, một đầu có quần dây buộc màu đen; 01 cây ba khúc bằng kim loại, khi rút ra dài 53cm, đường

kính đầu lớn 2,5cm, đường kính đầu nhỏ 1,4cm, có cán cầm bằng nhựa màu đen, chưa xử lý.

- Chị Trần Thị Huỳnh A giao nộp: 01 vỏ điện thoại di động màu trắng hiệu SAMSUNG Galaxy J2 Prime, số IMEI 353319/09/773922/8; 01 máy bơm hiệu Fujiwa màu đỏ. Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả 01 máy bơm cho chị Trần Thị Huỳnh A.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 171-618/TgT ngày 08 tháng 6 năm 2018, Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận chị Trần Thị Huỳnh A bị: “Vết thương đỉnh đầu dài 02cm, sâu tới sọ đã lành, sẹo kích thước 1,5cm x 0,2 cm; vết thương trước trán đã lành, sẹo kích thước 01cm x 0,05 cm, hiện tĩnh, tiếp xúc tốt; cơ chế hình thành vết thương là do vật tày sắc nhọn gây ra” và xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 02%.

Tại Bản kết giám định pháp y về thương tích số 170- 618/TgT ngày 08 tháng 6 năm 2018, Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận anh Nguyễn Thành Đ bị: “Vết thương kẻ ngón IV- V bàn tay trái từ mặt trước ra mặt sau dài 05cm, đứt gân gấp nông sâu ngón V, đứt gân duỗi ngón V, phẫu thuật khâu nối lại gân gấp, gân duỗi ngón V, mở rộng vết thương. Hiện vết thương lành, sẹo tổng chiều dài 25cm x 0,1 cm, ngón V bàn tay trái chưa gấp duỗi được. Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc nhọn gây ra” và xếp tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 07%.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 37/KL.ĐGTS ngày 13 tháng 7 năm 2018 Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: “Một điện thoại di động Samsung Galaxy J2 vỏ máy màu hồng có giá trị hiện tại 1.000.000 đồng; 01 máy bơm hiệu Fujiwa màu sơn đỏ giá trị hiện tại 1.500.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2019/HS-ST ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Quốc T phạm “Tội cướp tài sản”

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đoàn Quốc T 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2018.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Dương Sốc Kh; phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 30/7/2019 bị cáo Đoàn Quốc T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định tội danh đúng với hành vi của bị cáo là tội cưỡng đoạt tài sản và yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo Đoàn Quốc T thừa nhận chính bị cáo đã đem

theo hung khí lên xe ô tô trước khi đi thu hồi nợ tại các tiệm sửa xe còn thiếu tiền mua hàng chưa trả. Bị cáo đã kêu bị cáo K giật lấy tài sản để trừ nợ nếu khi đòi tiền mà các con nợ không trả nợ. Lúc đó Đoàn Thanh Tr nói cho bị cáo biết chị Trần Thị Huỳnh A có đeo dây chuyền nên bị cáo kêu bị cáo K giật dây chuyền của chị A để trừ nợ nếu chị A không trả nợ. Sau đó bị cáo điều khiển xe đến nhà anh TH là chồng chị A để thu hồi nợ, anh TH không có nhà còn chị A thì không đồng ý trả nợ nên bị cáo K định lấy máy bơm để trừ nợ nhưng bị chị A ngăn cản. Chị A lấy điện thoại định điện báo Công an thì bị cáo K giật lấy điện thoại của chị A; bị cáo nhìn thấy bị cáo K giật lấy điện thoại của chị A và việc bị cáo K chiếm đoạt điện thoại của chị A là phù hợp với ý chí và mục đích của bị cáo là giật lấy tài sản để trừ nợ như ý định ban đầu. Bị cáo K đưa điện thoại cho bị cáo cầm chạy ra xe và sau đó bị cáo bỏ điện thoại vào túi quần. Chị A phản ứng chạy theo lấy điện thoại lại thì bị cáo dùng phương tiện là cây kiếm trên xe đánh chị A từ trên xuống gây thương tích, mục đích của bị cáo đánh chị A là làm cho chị A không lấy lại được điện thoại để bị cáo chiếm đoạt, bị cáo biết nếu bị cáo không đánh chị A thì phía chị A đông người sẽ lấy lại được điện thoại. Lúc đó có anh Đ vào giúp chị A thì bị cáo dùng cây kiếm đánh anh Đ từ trên xuống. Hậu quả anh Đ bị tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 07% và chị A bị tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 02%. Sau đó bị cáo điều khiển xe chở những người đi chung về nhà, trên đường về bị cáo tắt nguồn điện thoại, sau đó bị cáo kêu bị cáo K đem bán điện thoại nhưng bị cáo K khuyên bị cáo để điện thoại lại sử dụng. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội cướp tài sản đúng như nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên nên bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo, cụ thể: rút kháng cáo yêu cầu xác định tội danh của bị cáo là tội cưỡng đoạt tài sản, chỉ kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đoàn Quốc T phạm “Tội cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội cướp tài sản; tuy nhiên mức hình phạt 09 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Quốc T 09 năm tù về “Tội cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2018. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

- Bị cáo Đoàn Quốc T không tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Quốc T phát biểu tranh luận: Bản án sơ

thẩm xác định bị cáo T đem theo hung khí đi đòi nợ và kêu bị cáo K giật lấy dây chuyền của chị A để trừ nợ. Tại cấp sơ thẩm bị cáo T không thừa nhận tội danh cướp tài sản mà chỉ thừa nhận tội danh cưỡng đoạt tài sản. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thừa nhận tội cướp tài sản như Bản án sơ thẩm đã tuyên nên người bào chữa không tranh luận về tội danh. Xét thấy bị cáo cướp tài sản là chiếc điện thoại di động trị giá 1.000.000 đồng nên bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bồi thường thiệt hại xong cho các bị hại; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận phạm tội cướp tài sản, đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, xử phạt bị cáo dưới mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo, đã tự nguyện rút một phần kháng cáo, cụ thể rút kháng cáo yêu cầu xác định tội danh của bị cáo là tội cưỡng đoạt tài sản, chỉ kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, xét thấy việc rút một phần kháng cáo của bị cáo là phù hợp với quy định tại Điều 342 của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: lời khai của bị cáo Đoàn Quốc T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo K, bị hại, người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với vật chứng được thu giữ, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: vào khoảng 17 giờ ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại nhà chị Trần Thị Huỳnh A thuộc ấp A, xã AN, huyện B, tỉnh Bến Tre; bị cáo Dương Sóc Kh đã có hành vi giật lấy chiếc điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy J2 Prime trị giá 1.000.000 đồng của chị Trần Thị Huỳnh A đưa cho bị cáo Đoàn Quốc T cất giữ với mục đích để trừ nợ. Chị A đã phản ứng chạy theo giành lại chiếc điện thoại nêu trên thì bị bị cáo K dùng tay, chân đánh, bị cáo T dùng cây kiếm là phương tiện nguy hiểm đánh gây thương tích cho chị Trần Thị Huỳnh A với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 02% để chiếm đoạt cho bằng được chiếc điện thoại của chị A. Khi anh Nguyễn Văn Đ vào giúp

chị A thì bị cáo T cũng dùng phương tiện nguy hiểm là cây kiếm đánh anh Đ gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 07%. Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, đã dùng vũ lực bằng cách sử dụng phương tiện nguy hiểm đánh bị hại gây thương tích làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của bị hại, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản mà còn xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đoàn Quốc T phạm “Tội cướp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng “Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất đồng phạm giản đơn, là người trực tiếp thực hiện tội phạm; bị cáo là chủ nợ, là người kêu bị cáo K chiếm đoạt tài sản, là người trực tiếp đánh bị hại gây thương tích nên phải chịu trách nhiệm cao hơn bị cáo K; trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo quanh co chối tội, không thừa nhận hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Tuy nhiên bị cáo đã tác động gia đình bồi thường Thiệt hại cho các bị hại và các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo 09 năm tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù ở cấp sơ thẩm bị cáo chỉ thừa nhận tội cưỡng đoạt tài sản mà không thừa nhận tội cướp tài sản, khi thực hiện hành vi cướp tài sản thì bị cáo còn gây thương tích cho bị hại, sau khi phạm tội đã bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã. Tuy nhiên; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thấy được hành vi phạm tội của mình nên thừa nhận phạm tội cướp tài sản và thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bản thân bị cáo không có tiền án, tiền sự, mới phạm tội lần đầu, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị không lớn, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu, tại cấp phúc thẩm có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

[4] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định hình phạt của Bản án sơ thẩm là có phần nghiêm khắc nên không được

Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Người bào chữa đề nghị chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là có căn cứ pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là chưa nghiêm nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Về án phí: bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đoàn Quốc T; sửa Bản án sơ thẩm số: 21/2019/HS-ST ngày 19/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đoàn Quốc T 07 (bảy) năm tù về “Tội cướp tài sản”;

Thời hạn tù tính từ ngày 20/11/2018.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Đoàn Quốc T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Dương Sốc Kh; phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện B (3b);
- Công an huyện B (1b);
- VKSND huyện B (1b);
- Chi cục THADS huyện B (1b);
- UBND xã P, TP. Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (3b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông

